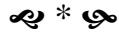




**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Số 244 Bùi Văn Ba, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2020**

Tp.Hồ Chí Minh, tháng 4 năm 2021

NỘI DUNG

GIỚI THIỆU CÔNG TY

- 1 Thông tin khái quát
- 2 Lĩnh vực hoạt động
- 3 Lịch sử hình thành và phát triển
- 4 Các sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu
- 5 Sơ đồ tổ chức
- 6 Mục tiêu và định hướng tương lai
- 7 Rủi ro trong hoạt động kinh doanh



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 8 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 9 Tổ chức nhân sự
- 10 Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- 11 Tình hình tài chính
- 12 Thông tin cổ đông

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

- 13 Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh
- 14 Tình hình tài chính
- 15 Những tiến bộ trong năm 2020
- 16 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021
- 17 Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 18 Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty
- 19 Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc
- 20 Kế hoạch và định hướng của HĐQT

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 21 Hội đồng quản trị
- 22 Ban kiểm soát
- 23 Thù lao, lợi ích và các giao dịch của HĐQT, Ban Giám Đốc, Ban kiểm soát.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN
NĂM 2020

I/ THÔNG TIN CHUNG.

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**
Tên viết tắt: **SEAMECO**
Tên Tiếng Anh: **Seaproducts Mechanical Shareholding Company**
Giấy chứng nhận ĐKKD số: **0302166033 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 12/02/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 12/07/2018.**
Vốn điều lệ: **42.000.000.000 đồng (Bốn mươi hai tỷ đồng)**
Logo:



Địa chỉ: **244 Bùi Văn Ba, P. Tân Thuận Đông, Q. 7, Tp. HCM**
Số điện thoại: **(84-028) 3 8 729 751**
Số fax: **(84-028) 3 8 729 749**
Website: <http://www.seameco.com.vn>
Email: seameco@seameco.com.vn
Mã cổ phiếu: **SCO**

*** Quá trình hình thành và phát triển :**



Năm 1985	Ngày 05/11/1987, chính thức thành lập Công ty Cơ khí Thủy sản III.	Năm 2007	Công ty chuyển thành công ty cổ phần và đổi tên thành Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản với vốn điều lệ là 22 tỷ đồng.
1990	Ứng dụng công nghệ đóng tàu bằng vật liệu composite vào sản xuất.	2008	Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản vốn điều lệ là 22 tỷ tăng lên 33 tỷ đồng.
1992	Khởi công xây dựng khu vực sản xuất tại Q7 – Tp.HCM.	2009	Công ty CP Công nghiệp Thủy sản vốn điều lệ là 33 tỷ tăng lên 42 tỷ đồng.
1993	Thành lập lại doanh nghiệp nhà nước Cty Cơ khí Thủy sản III.	2010	Được Tổ chức QUACERT cấp Giấy chứng nhận ISO 9001:2008.
1997	Đưa cầu cảng C1 vào hoạt động.	2011	Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản thay đổi trụ sở chính của công ty từ 30 Hàm Nghi, P. Bến Nghé, Q.1 sang 211 Nguyễn Thái Học, P. Phạm Ngũ Lão,

			Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
2000	Đổi tên thành Công ty Cơ khí Thủy sản, trực thuộc Tổng Công ty Hải sản Biển Đông.	2012-2013	Công ty tập trung sắp xếp, kiện toàn lại tổ chức bộ máy nhân sự.
2001	Nghiên cứu và chế tạo thành công khuôn thép tháo rời cho đóng tàu composite.	2014	Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản thay đổi trụ sở chính của công ty từ 211 Nguyễn Thái Học, P. Phạm Ngũ Lão, Quận 1 sang địa chỉ: Số 244 Bùi Văn Ba, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM.
2002	Đổi tên thành Công ty Công nghiệp Thủy sản	2015	Nghị định 67/2014/NĐ-CP của Chính Phủ đã tạo những cơ hội mới cho Công ty. Lĩnh vực đóng, sửa tàu thuyền chủ lực của Công ty có nhiều chuyển biến tích cực. Công ty đã ký được 11 hợp đồng đóng mới trong đó có 10 hợp đồng kinh tế với ngư dân.
2003	Hạ thủy tàu đánh bắt xa bờ dài nhất bằng vật liệu composite được đóng tại Việt Nam.	2016	Là năm thành công của Công ty về ngành công nghiệp đóng tàu so với 10 năm trước. Trong năm Công ty đã bàn giao hạ thủy 18 tàu cá cho ngư dân, trong đó có 01 tàu dịch vụ hậu cần nghề cá.
2005		2017	Công ty tiếp tục thực hiện mới đóng tàu theo chương trình Nghị định 67/2017/NĐ-CP ngày 07/4/2014 của Chính phủ. Đóng mới bàn giao hạ thủy 05 chiếc tàu vỏ sắt, trong đó 04 chiếc tàu đánh cá của ngư dân theo NĐ 67/NĐ-CP.
2006	Hạ thủy tàu y tế dài 30m, con tàu dài nhất bằng vật liệu composite được đóng tại Việt Nam; đưa cầu cảng C2 vào hoạt động.	2018	Năm 2018, hoạt động đóng tàu gần như dừng hẳn vì chương trình đóng mới tàu đánh cá vỏ thép theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ được thay thế bằng Nghị định 17/NĐ-CP ngày 02/02/2018, với các nội dung và cách thức làm mới chưa phù hợp với tình hình sản xuất của Công ty.
2019	Năm 2019, Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong hoạt động đóng sửa tàu đây là ngành nghề chính sản xuất của Công ty. Bên cạnh đó Công ty tập trung đẩy mạnh khai thác kinh doanh cho thuê mặt bằng kho, bãi ...	2020	Năm 2020, ngoài những khó khăn nội tại, Công ty còn chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19 kéo dài .. ảnh hưởng mạnh đến tất cả các lĩnh vực kinh doanh Công ty nhất là lĩnh vực khai thác kinh doanh cho thuê mặt bằng kho, bãi ...

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.

2.1 Ngành nghề kinh doanh chính.

- Đóng mới, sửa chữa tàu vỏ gỗ, sắt, vật liệu composite và sản xuất các sản phẩm composite;
- Kinh doanh kho hàng, bến bãi; Kinh doanh dịch vụ cầu cảng;

2.2 Địa bàn kinh doanh.

- Địa chỉ: Số 244 Bùi Văn Ba, P. Tân Thuận Đông, Q. 7, thành phố Hồ Chí Minh.
- Tel: 028.38729751 - 028.38752422 Fax: 028.38729749

SẢN PHẨM ĐÓNG TÀU



Tàu tuần tra, kiểm ngư



Tàu du lịch, tàu khách



Tàu vỏ thép

SẢN PHẨM MÁY MÓC



Máy xăng Máy cắt cỏ Máy bơm nước



Máy phát điện



Đầu nén



Máy phun thuốc

SẢN PHẨM COMPOSITE



Thùng rác

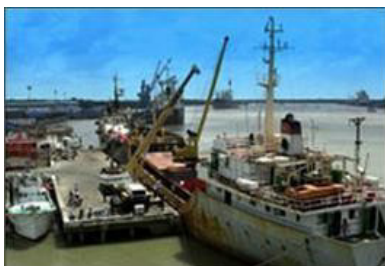


Xuồng máy



Cano Composite cao tốc

MỘT SỐ DỊCH VỤ KHÁC



Dịch vụ cầu cảng



Dịch vụ kho bãi



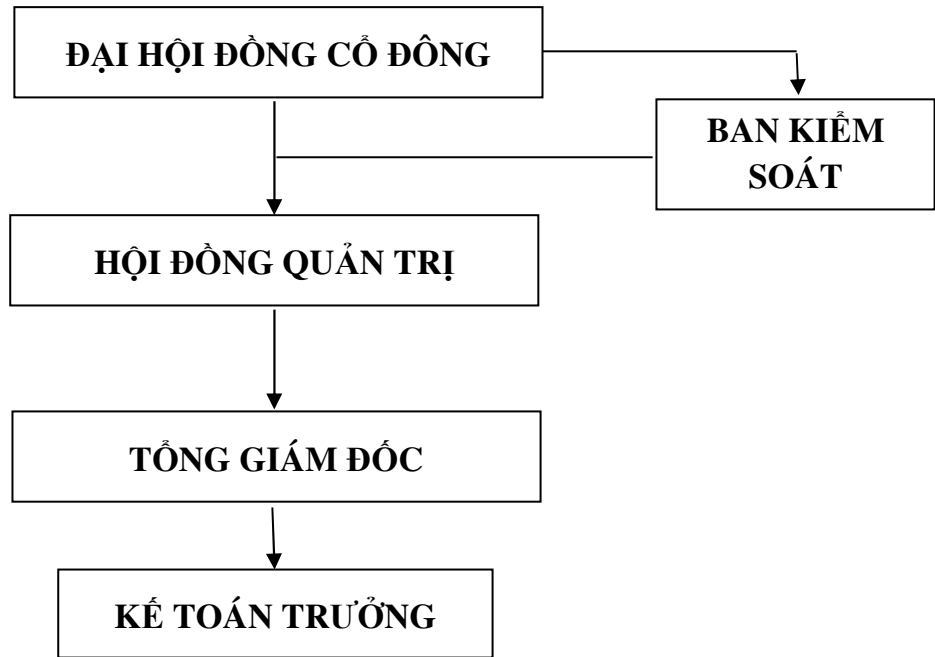
Dịch vụ lên xuống xà lan



3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

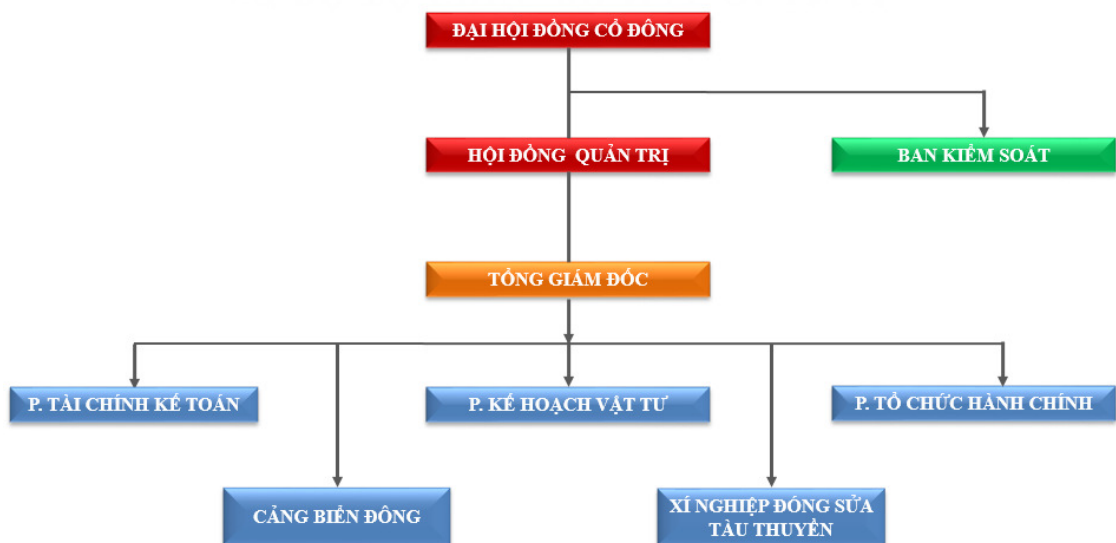
3.1 Mô hình quản trị:

Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền cao nhất Công ty. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu cử gồm 03 thành viên. Hội đồng quản trị công ty gồm 05 người, trong đó có 01 ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc. Ban lãnh đạo công ty gồm: 01 Tổng giám đốc và 01 Kế Toán trưởng.



3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ



+ Xí nghiệp đóng sửa tàu thuyền: đóng mới và sửa chữa các loại tàu du lịch, tàu kiểm ngư, tàu đánh cá, tàu chở hàng, cano, phà, các phương tiện nổi bằng vật liệu composite, thép.

+ Cảng Biển Đông: cung ứng các dịch vụ bốc xếp, giao nhận, dịch vụ kho bãi, cung cấp dầu, điện nước phục vụ cho tàu cập cảng.

3.3 Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển.

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Thông qua việc cung cấp những sản phẩm và dịch vụ đa dạng với chất lượng thỏa mãn nhu cầu của khách hàng mục tiêu, Công ty sẽ hoạt động và sử dụng vốn có hiệu quả ; tạo thêm việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động trong doanh nghiệp; làm tròn nghĩa vụ với nhà nước và xã hội, cụ thể:

- Duy trì hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và hệ thống tài chính nhân sự.
- Nâng cao năng lực sản xuất bao gồm vấn đề cơ sở vật chất và nguồn nhân lực.
- Phát triển theo tiêu chí tăng trưởng bền vững, tập trung vào các lĩnh vực hoạt động chính.
- Tìm kiếm đối tác, mở rộng thị phần Công ty.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Tập trung hoạt động vào các lĩnh vực thuộc thế mạnh của Công ty như đóng mới, sửa chữa tàu thuyền, dịch vụ kho bãi, xếp dỡ hàng hóa qua cảng.
- Tiếp tục bán, thanh lý tài sản không cần thiết để trả nợ.
- Làm việc với Ngân hàng để tái cơ cấu lại nợ.

4.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

- Hoạt động của công ty phải phù hợp với tiêu chí về bảo vệ môi trường, đảm bảo CB-CNV làm việc trong môi trường tốt nhất.
- Tạo công việc làm ổn định, đảm bảo lương tối thiểu cho CB-CNV, thực hiện đầy đủ các chế độ lao động cho người lao động.

5. Các rủi ro.

- Rủi ro lãi suất: Công ty hiện đang có tỷ trọng nợ cao so với vốn chủ sở hữu. Do đó biến động của lãi suất sẽ tác động trực tiếp đến chi phí hoạt động của Công ty, làm ảnh hưởng đến kết quả lợi nhuận.
- Rủi ro đặc thù: Ngành đóng mới và sửa chữa tàu thuyền là một trong những ngành công nghiệp đòi hỏi kỹ thuật cao. Quy trình sản xuất phải tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn kỹ thuật của Cục đăng kiểm và các qui định hiện hành trong ngành cơ khí tàu thuyền. Do vậy, bất cứ công đoạn sản xuất nào không tuân thủ các qui định này đều gây ra những thiệt hại đáng kể cho Công ty.

Hiện nay, để nâng cao chất lượng, uy tín trong các sản phẩm, dịch vụ mà Seameco cung cấp tới khách hàng thì các công đoạn sản xuất kinh doanh chính của Seameco (từ thiết kế, đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, lắp ráp máy phát điện, máy bơm, kinh doanh vật tư hàng hóa, đến cung cấp dịch vụ cảng) đều tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn qui định trong hệ thống quản lý chất lượng.

- Rủi ro tín dụng: Tính đến thời điểm hiện nay, hoạt động kinh doanh của Công ty có nhiều công nợ phải thu tồn đọng chủ yếu từ Công ty cổ phần Aquafeed Cửu Long, Công ty cổ phần Biển Tây,... Các đối tác hiện đang gặp khó khăn về tài chính, mất khả năng thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình, Công ty đang gặp rủi ro tổn thất tài chính. Hiện nay, Công ty đã trích lập hầu hết các khoản dự phòng công nợ tồn đọng chưa thu hồi được của các khoản nợ trên.

- Rủi ro khác: Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do biến động giá cả nguyên vật liệu, linh kiện, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, kinh tế, xã hội trong nước và trên thế giới làm cho thị trường bị giảm sút và các thị trường tiềm năng mất ổn định. Những rủi ro này có thể sẽ tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

II/ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.1 Những thuận lợi, khó khăn.

a) Thuận lợi: Công ty hoạt động trong Ngành thủy sản về lĩnh vực cơ khí tàu thuyền hơn 30 năm qua, đã có kinh nghiệm nhất định để tiếp thị, tư vấn, đóng mới và sửa chữa các mẫu tàu cá, sà lan, tàu công tác các loại, ...

Với mặt bằng sẵn có, Công ty vẫn tiếp tục duy trì các hình thức kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, nhà xưởng, cầu cảng, ... và tiếp tục triển khai công tác tìm kiếm đối tác hợp tác kinh doanh dịch vụ, tận dụng tối đa cơ sở mặt bằng sẵn có nhằm tăng doanh thu cho Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty, đề ra các chủ trương, quyết sách đúng đắn nhằm định hướng và chỉ đạo kịp thời, cùng Ban Tổng Giám đốc tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong sản xuất kinh doanh.

b) Khó khăn: Tuy có những thuận lợi nêu trên, nhưng Công ty cũng gặp không ít khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh sau:

Công ty còn bị ảnh hưởng bởi hàng hóa tồn kho và công nợ của các năm trước để lại nên hiệu quả kinh doanh trong kỳ còn thấp.

- Về cơ khí đóng tàu: Tình hình đóng mới, sửa chữa tàu và sà lan hiện đang trong giai đoạn khó khăn do dịch bệnh và bị cạnh tranh mạnh của các đơn vị cùng ngành. Mô hình quản trị doanh nghiệp của Công ty tuy có điều chỉnh nhưng vẫn còn hạn chế. Năng suất lao động trong sản xuất công nghiệp, kinh doanh dịch vụ và khả năng cạnh tranh giữa các đơn vị cùng ngành không cao, nhiều máy móc thiết bị cũ, lạc hậu, gánh nặng các khoản chi phí như phí trả nợ ngân hàng, ... Tình hình sản xuất trong thời

gian này vẫn chủ yếu thực hiện các công trình sửa chữa nhỏ các loại tàu, sà lan và dịch vụ lên xuống triền các tàu, du thuyền FRP phục vụ đăng kiểm theo định kỳ.

- Về dịch vụ cho thuê mặt bằng kho, bãi: Dịch vụ thuê mặt bằng kho của Công ty trong những tháng cuối năm gặp nhiều khó khăn, bị ảnh hưởng bởi tốc độ tăng trưởng trong nước giảm vì dịch Covid-19. Do làm ăn khó khăn nên khách hàng thuê kho liên tục trả lại mặt bằng thuê, hiện nhu cầu sử dụng kho trên thị trường đang giảm. Các kho của Công ty đã xây dựng và đưa vào sử dụng đã lâu, hiện nay đã xuống cấp đặc biệt là phần mái bị mục và dột nước, cần được sửa chữa, thay mới thường xuyên.

- Về khai thác dịch vụ cầu cảng: Từ ngày 15/8/2020 cầu cảng 2 được Công ty TNHH và SX Dầu thực vật Minh Huệ thuê để khai thác làm dịch vụ cho sà lan tập kết để trung chuyển dầu thực vật. Còn cầu cảng 1 vẫn cho Công ty TNHH PGG Marina thuê. Hiện nay kết cấu cầu cảng cũng bị xuống cấp đặc biệt là cầu cảng 1, vùng nước trước bến nhiều năm không nạo vét nay bồi lấp nhiều.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong điều kiện nguồn vốn lưu động hạn hẹp, chủ yếu nhờ vào tiền tạm ứng và vốn thanh toán của chủ đầu tư.

- Trong năm 2020, các ngân hàng tiếp tục gây áp lực và dùng các biện pháp tài chính để thu hồi nhiều các nợ cũ của các năm trước.

1.2 Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020.

TT	Chỉ tiêu tài chính	Đvt	Kế hoạch năm 2020	TH năm 2020	Tỷ lệ % so với KH
I	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	15,000	17,102	114,01%
1	Đóng mới, sửa chữa tàu, gia công cơ khí, lên triền, ...	Tỷ đồng	3,200	4,508	140,9%
2	Dịch vụ cho thuê mặt bằng, bến bãi, cầu cảng, dịch vụ điện nước, ...	Tỷ đồng	11,800	12,478	105,74%
2.1	Dịch vụ cho thuê khai thác cầu cảng	Tỷ đồng	1,440	1,440	100%
2.2	Dịch vụ thuê kho, bãi, bốc xếp, ...	Tỷ đồng	10,360	11,038	106,54%
3	Doanh thu khác	Tỷ đồng		0,116	
3.1	Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác (lãi NH, thanh lý, phế liệu...)	Tỷ đồng		0,00057	
3.2	Thu nhập khác	Tỷ đồng		0,110	
III	Tổng chi phí		15,800	17,059	107,97%
IV	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	(0,800)	0,043	
	Trích quỹ dự phòng các khoản thu quá hạn	Tỷ đồng		0,2277	
V	Lợi nhuận trước thuế sau khi trích quỹ dự phòng các khoản thu quá hạn	Tỷ đồng		(0,185)	
VI	Lợi nhuận trước thuế (không bao gồm lãi vay, thanh lý đất,	Tỷ đồng	2,500	3,122	

	<i>trích lập dự phòng hàng tồn kho, thuế CNBDS, ...)</i>				
--	--	--	--	--	--

2. Tổ chức và nhân sự.

2.1 Danh sách Ban điều hành.

2.1.1 Tổng giám đốc:

Ông TRƯƠNG TÙNG HÙNG – Thành viên HĐQT, kiêm Tổng giám đốc. Thời gian điều hành Công ty từ ngày 15/7/2018 đến nay theo Quyết định bổ nhiệm số 191/QĐ-HĐQT-CNTS ngày 09/7/2018 của Hội đồng Quản trị Công ty)

- Năm sinh: 04/08/1973
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí.
- Số cổ phần nắm giữ 16.000
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0.39%
- Quá trình công tác:
 - + Năm 1997 – năm 1999: Nhân viên Phòng vỏ tàu Công ty TNHH tàu biển HyunDai – Vinashin.
 - + Năm 1999 – năm 2001: NV KD Trung tâm Máy Cty Cơ khí Thủy Sản 3.
 - + Năm 2001 – năm 2004: NV Phòng Kế hoạch Cty Cơ khí Thủy Sản 3.
 - + Năm 2004 – năm 2006: NV kỹ thuật Xưởng cơ khí Cty CN Thủy Sản.
 - + Năm 2006 – năm 2007: Phó quản đốc Xưởng cơ khí – Cty CN Thủy Sản.
 - + Năm 2007– năm 2008: Phó Giám đốc XN đóng tàu Cty CP CN Thủy Sản.
 - + Năm 2008– năm 2009: Giám đốc XN đóng tàu Cty CP CN Thủy sản.
 - + Năm 2009 – tháng 05/2012: Phó Tổng Giám đốc Cty CP CN Thủy Sản kiêm Giám đốc Xí nghiệp đóng tàu Seameco.
 - + Tháng 05/2012 – tháng 5/2014: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy Sản kiêm Giám đốc Xí nghiệp đóng tàu Seameco.
 - + Từ tháng 06/2014 đến ngày 14/7/2018 : Phó Tổng Giám đốc Công ty;
 - + Từ ngày 15/7/2018 đến nay: Tổng giám đốc Công ty CP Công nghiệp Thủy sản.

2.1.2 Kế toán trưởng.

a) Bà Hoàng Thị Tú - thời gian điều hành KTT Công ty từ ngày 01/9/2017 đến ngày 01/4/2020 miễn nhiệm chức kế toán trưởng.

b) Ông Vũ Văn Công – thời gian điều hành KTT Công ty từ ngày 01/4/2020 theo Quyết định số 37/QĐ-HĐQT-CNTS ngày 31/3/2020 của Hội đồng Quản trị Công ty.

- Năm sinh : 06/06/1980
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán.
- Số cổ phần nắm giữ: 0
- Tỷ lệ sở hữu có quyền biểu quyết: 0%

- Quá trình công tác :

+ Năm 2004 – năm 2012: Nhân viên kế toán Công ty TNHH Pha Lê C&C.

+ Năm 2012 – năm 2017: Nhân viên kế toán Công ty TNHH Dệt GR Vina.

+ Năm 2017 – năm 2018: Nhân viên kế toán Công ty TNHH SX HTD Bình Tiên.

+ Từ T.8/2018 – năm 2019: Nhân viên kế toán Công ty CP Công nghiệp Thủy sản.

+ Từ T.9/2019 – T.4/2020: Phó phòng TCKT Công ty CP Công nghiệp Thủy sản

+ Từ tháng 01/04/2020 – đến nay : Kế Toán trưởng - Công ty CP Công Nghiệp Thủy sản.

2.2 Những thay đổi trong Ban điều hành: Năm 2020, có sự thay đổi về nhân sự quản lý – kế toán trưởng.

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên đến 31/12/2020:

Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Thu nhập người lao động		
		Năm	Đơn vị	Thu nhập bình quân
Theo phòng ban – bộ phận				
1. Ban Tổng Giám Đốc	01	2020	Đồng/người/tháng	8.000.000
2. Phòng Tài chính Kế toán	03			
3. Phòng Tổ chức hành chính	14	Phân loại theo trình độ lao động		Số lượng (người)
4. Phòng kế hoạch – Vật tư	04			
5. Xí nghiệp ĐSTT	20	Đại học, trên đại học		12
+ VP Xí nghiệp	05	Trung cấp		05
+ Công nhân sản xuất	15	Phổ thông		25
Tổng cộng	42	Tổng cộng		42

*** Chính sách đối với người lao động.**

- Với tình hình khó khăn hiện nay, công ty vẫn luôn chăm lo, quan tâm đến đời sống vật chất lẫn tinh thần cho cán bộ công nhân.

- Thực hiện ký kết hợp đồng lao động với tất cả CBCNV làm việc trong công ty. Đối với người lao động chính thức sẽ được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ. Công ty thực hiện nghiêm các chế độ, qui định của luật lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

3.1 Các khoản đầu tư lớn: Không có

3.2 Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính.

4.1 Tình hình tài chính.

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Thực hiện 2019	% tăng, giảm so TH 2019
1	Tổng tài sản	15.182.887.999	18.620.765.287	81,54%
2	Vốn chủ sở hữu	(96.907.166.926)	(96.721.901.657)	-100,19%
3	Doanh thu thuần	16.985.828.356	19.969.715.117	85,06%
4	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	(292.883.195)	(1.878.288.858)	15,59%
5	Lợi nhuận khác	107.617.926	3.464.698.532	3,11%
6	Lợi nhuận trước thuế	(185.265.269)	1.586.409.674	-11,68%
7	Lợi nhuận sau thuế	(185.265.269)	1.586.409.674	-11,68%
8	Lãi cơ bản trên một cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	(46)	390	-11,79%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2019
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,037	0,055
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,013	0,015
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	738	619
Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	-116	-119
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,0	5,9
Doanh thu thuần/Tổng tài sản BQ	Vòng	1,005	0,73
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	-0,19	7,94
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	0,19	-1,64
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản ROA	%	-1,22	8,52
Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	-1,72	-9,41

Năm 2020, ngoài những khó khăn nội tại gánh nặng về tài chính do các năm trước để lại, Công ty còn chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19 kéo dài .. ảnh hưởng mạnh đến tất cả các lĩnh vực kinh doanh Công ty nhất là lĩnh vực khai thác kinh doanh cho thuê mặt bằng kho, bãi ... Tuy nhiên, trong năm Công ty vẫn duy trì trả lãi vay ngân hàng. Cơ cấu tài sản và nguồn vốn bất hợp lý tạo ra nhiều khó khăn cho Công

ty trong hoạt động SXKD. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc hoạt động kinh doanh có lãi và việc tiếp tục tài trợ của các chủ đầu tư trong tương lai.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

5.1 Cổ phần.

- Tổng số cổ phần phát hành	: 4.200.000 cổ phần
- Tổng số cổ phần đang lưu hành	: 4.064.700 cổ phần
- Cổ phiếu quỹ	: 135.300 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyên nhượng	: 0 cổ phiếu
- Loại cổ phiếu đang lưu hành	: cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phiếu

5.2 Cơ cấu cổ đông (theo báo cáo danh sách chốt cổ đông đến ngày 29/3/2020).

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần năm giữ	Tỷ lệ nắm giữ/ Tổng số CP
Cổ đông trong nước	115	4.200.000	100%
Cổ đông nước ngoài	0	0	
Tổng cộng	115	4.200.000	100%
Cổ đông lớn (≥5%)	4	3.043.712	72,47%
Cổ đông nhỏ	111	1.156.288	27,53%
Tổng cộng	115	4.200.000	100%
Cổ đông tổ chức	7	2.649.695	63,09%
Cổ đông cá nhân	108	1.550.305	36,91%
Tổng cộng	115	4.200.000	100%
Cổ đông nhà nước	1	1.947.000	46,36%
Các cổ đông khác	114	2.253.000	53,64%
Tổng cộng	115	4.200.000	100%

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5 Các chứng khoán khác: Không có

III/ BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020.

1.1 Về hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2020 Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn với những nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan. Tuy nhiên với sự phấn đấu, cố gắng của toàn thể lãnh đạo và CBCNV trong Công ty đã hoàn thành và vượt các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 đề ra.

a) Sản xuất đóng mới và sửa tàu thuyền:

Hoạt động sản xuất của Công ty trong năm 2020 vẫn chủ yếu thực hiện các công trình sửa chữa nhỏ các loại tàu, sà lan và dịch vụ lên xuống triển các tàu, du thuyền FRP phục vụ đăng kiểm theo định kỳ. Trong đó có 01 hợp đồng đóng mới tàu chò

dầu thực vật, 30 hợp đồng sửa chữa tàu – sà lan, gia công cơ khí. Đối với lĩnh vực đóng tàu vỏ composite, có 03 hợp đồng đóng mới vỏ ca nô, 29 hợp đồng sửa chữa tàu, dịch vụ du thuyền lên đà đăng kiểm định kỳ, dịch vụ neo đậu sửa chữa và gia công các sản phẩm FRP khác.

b) Kinh doanh cầu cảng, kho, bãi và dịch vụ:

b.1) Kinh doanh cho thuê kho, bãi và dịch vụ: Trong năm 2020, việc cho thuê kho bãi không ổn định, diện tích thuê kho những tháng cuối năm 2020 hiện đạt khoảng 75% công suất do ảnh hưởng dịch bệnh COVID-19, nhưng doanh thu cả năm cho thuê kho, bãi vẫn tăng và vượt các chỉ tiêu kế hoạch.

b.2) Kinh doanh dịch vụ cầu cảng: cầu cảng vẫn được Công ty TNHH và SX Dầu thực vật Minh Huệ và Công ty TNHH PPG Marina thuê ổn định.

Trong năm 2020 đã tiến hành sửa chữa cầu cảng 2, khảo sát khu nước trước bến và thông báo hàng hải.

c) Tổng doanh thu: Tổng doanh thu trên tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020: 17,102 tỷ đồng đạt 114,01% kế hoạch, bằng 62,76% so với năm 2019. Bao gồm:

c.1) Doanh thu đóng mới tàu, sửa chữa, gia công cơ khí, lên triền: 4,508 tỷ đồng đạt 140,88% KH, bằng 62,05% so với năm 2019.

Nguyên nhân giảm: Trong năm 2020, Công ty rất khó khăn trong việc tìm kiếm các khách cũ truyền thống và mới về Công ty để sửa chữa tàu, gia công cơ khí, dịch vụ lên xuống triền, ... Nhưng bằng sự cố gắng của tập thể CBCNV trong Công ty, doanh thu sản xuất vẫn tăng so với kế hoạch đề ra.

c.2) Doanh thu kinh doanh dịch vụ kho bãi, và cho thuê cầu cảng: 12,478 tỷ đồng, đạt 105,74% KH, bằng 98,24% so với năm 2019.

Nguyên nhân giảm: Do ảnh hưởng dịch bệnh COVID-19, những tháng cuối năm 2020 có nhiều hợp đồng thuê kho bị thanh lý. Tuy nhiên doanh thu vẫn đạt và tăng nhẹ so với kế hoạch.

d) Tổng chi phí: 17,059 tỷ đồng, tăng 7,97% so với KH và bằng 66,48% so với cùng kỳ năm 2019.

Nguyên nhân chính tổng chi phí giảm do doanh thu các công trình đóng mới, sửa chữa; Chi phí xây dựng mới và sửa chữa kho, bãi trong năm đều giảm.

e) Lợi nhuận trước thuế: 0,043 tỷ đồng (bao gồm chi phí trả lãi vay ngân hàng); (0,185) tỷ đồng (bao gồm chi phí trả lãi vay ngân hàng và lập quỹ dự phòng các khoản thu quá hạn), tăng nhiều so với kế hoạch do năm 2020 Công ty trả nợ nhiều cho các ngân hàng, chính sách giảm lãi vay của Ngân hàng nông nghiệp, lập quỹ dự phòng các khoản thu quá hạn, doanh thu sản xuất, cho thuê kho bãi đều tăng nhẹ và chi phí giảm.

Lợi nhuận trước thuế không bao gồm chi phí trả lãi vay ngân hàng, thanh lý đất, trích lập dự phòng hàng tồn kho, thuế chuyển nhượng BĐS: 3,122 tỷ đồng bằng 124,88 % so với KH.

1.2 Đánh giá về hoạt động tài chính:

Ngoài hoạt động đảm bảo cân đối nguồn vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm, Công ty tiếp tục xử lý các tồn tại về tài chính từ các năm trước để lại.

Các tồn tại về tài chính nhất là công nợ khó đòi tuy đã được Công ty xử lý trích dự phòng nhưng vẫn làm ảnh hưởng tới báo cáo tài chính của Công ty về sự mất cân đối nguồn vốn, khả năng thanh toán thấp,...

Công ty vẫn đang chỉ đạo các Phòng ban, Xí nghiệp, bộ phận kho cảng Biển Đông có liên quan đàm phán với khách hàng nợ, tìm biện pháp để thu hồi công nợ, nhằm tránh các thiệt hại cho Công ty.

Các khoản nợ phải trả, chủ yếu là nợ ngân hàng, Công ty TNHH Mua Bán nợ Việt Nam. Đây là các khoản nợ tồn tại từ các năm trước để lại.

1.3 Về công tác tổ chức cán bộ:

Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, trong năm Công ty chủ động cơ cấu, tổ chức sắp xếp lại văn phòng làm việc, bộ máy nhân sự theo hướng tinh gọn để đảm bảo tính linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Đến nay, giữa các phòng ban, Xí nghiệp, bộ phận kho cảng Biển Đông của Công ty vẫn phối hợp tương đối nhịp nhàng trong công việc.

Bố trí sắp xếp lại nhân sự để đảm bảo, phù hợp cho sản xuất.

1.4. Về công tác điều hành của Ban giám đốc:

Với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, trong năm Ban giám đốc đã triển khai thực hiện một số công việc chủ yếu sau:

- Tiếp tục sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy để quản lý hiệu quả hơn.
- Tập trung tăng cường công tác bảo vệ, an toàn, đảm bảo công tác phòng cháy chữa cháy tại các bộ phận sản xuất, văn phòng trụ sở Công ty, ...
- Xây dựng quy định của Công ty đối với các khách hàng thuê kho bãi về vệ sinh môi trường công nghiệp và công tác phòng chống cháy nổ.
- Thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp, sử dụng hiệu quả nguồn vốn, đảm bảo nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh.
- Thực hiện một cách nghiêm túc các quy định về an toàn lao động trong sản xuất, trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, cải thiện tốt hơn điều kiện làm việc của người lao động, không để xảy ra tai nạn lao động đáng tiếc nào xảy ra.

Đánh giá chung:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên tất cả các lĩnh vực đều vượt các chỉ tiêu kế hoạch. Riêng trong kinh doanh kho, bãi hiện đang gặp nhiều khó khăn chung trên thị trường, Công ty đã tích cực, chủ động tìm kiếm khách hàng thuê các kho còn trống. Trong lĩnh vực gia công và sửa chữa tàu, mặc dù có nhiều quyết tâm, phấn đấu của bộ phận sản xuất nhưng vẫn có rất ít công trình gia công và sửa chữa tàu. Bù lại các hợp đồng sản xuất trong năm có doanh thu nhỏ nhưng hiệu quả tương đối cao do chi phí sản xuất ít và việc thu hồi vốn nhanh.

Năm 2020 có nhiều biến động và rất khó khăn, đặc biệt đại dịch COVID-19 diễn biến rất phức tạp, ảnh hưởng đến tốc độ phát triển kinh tế trong nước. Tuy nhiên các chỉ tiêu về doanh thu, chỉ tiêu lợi nhuận do ĐHCĐ đề ra đều tăng so với kế hoạch. Đây

là thành quả đáng khích lệ của tập thể Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên của toàn Công ty.

2. Tình hình tài chính.

2.1 Tình hình tài sản.

Chỉ tiêu	Năm 2020 (đồng)	Năm 2019 (đồng)	Năm 2020/2019 (%)
TÀI SẢN NGẮN HẠN	4.065.588.217	6.270.465.993	64,84%
Tiền & các khoản tương đương tiền	698.107.170	515.864.866	135,33%
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	781.801.012	1.165.902.950	67,06%
Hàng tồn kho	2.444.518.734	1.921.350.213	127,23%
Tài sản ngắn hạn khác	141.161.301	2.667.347.964	5,3%
TÀI SẢN DÀI HẠN	11.117.299.782	12.350.299.294	90,02%
Các khoản phải thu dài hạn	9.000.000	9.000.000	100%
Tài sản cố định	6.017.836.602	7.187.839.906	83,72%
Tài sản dở dang dài hạn	21.818.182	-	
Đầu tư tài chính dài hạn	4.889.250.613	4.889.250.613	100%
Tài sản dài hạn khác	179.394.385	264.208.775	67,90%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	15.182.887.999	18.620.765.287	81,54%

- Tình hình tài sản năm 2020 của Công ty giảm 36% so với năm 2019, phản ánh đúng với tình hình sản xuất kinh doanh trong năm của Công ty gặp rất nhiều khó khăn trên tất cả các lĩnh vực SXKD của Công ty. Nguồn tiền dự trữ của công ty không có.

- Việc quản lý và trích khấu hao theo đúng qui định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Các khoản phải thu ngắn hạn đến 31/12/2020 là 0,781 tỷ đồng, giảm 33% so với năm 2019, trong đó Công ty đã trích lập các khoản dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi từ các năm trước 119,487 tỷ đồng trên tổng số các khoản nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng là 101,581 tỷ đồng.

Các khoản nợ xấu này đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu quả sử dụng tài sản và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty do chịu ảnh hưởng của khoản nợ xấu phát sinh từ các năm trước. Hàng năm Công ty phải gánh chịu một khoản lãi vay lớn mà không có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể lãi vay phát sinh trong năm là 3,079 tỷ đồng.

Hàng hóa tồn kho đến ngày 31/12/2020: 5,562 tỷ đồng, trong đó giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất khó có khả năng tiêu thụ chưa thanh lý tại thời điểm lập

báo cáo là: 3,713 tỷ đồng (chiếm 73,66%). Trong đó, Công ty đã lập giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho 31/12/2020, số tiền: 3,118 tỷ đồng.

- Việc quản lý nợ phải thu theo đúng qui định quản lý nợ tại Nghị định 206/2013/NĐ- CP, trích lập và sử dụng dự phòng theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC và Thông tư 89/2013/TT-BTC sửa đổi, bổ sung thông tư 228/2009/TT-BTC. Công ty theo dõi công nợ từng khách hàng, thường xuyên đơn đốc thu hồi nợ, đối với công nợ luân chuyển bình thường, các khách hàng đều xác nhận nợ đầy đủ. Đối với nợ phải thu không có khả năng thu hồi đã xử lý, Công ty vẫn tiếp tục theo dõi.

2.2 Tình hình nợ phải trả

DVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	% TH2020/2019
NỢ PHẢI TRẢ	112.090.054.925	115.342.666.944	97,18%
<i>Nợ ngắn hạn</i>	<i>111.387.254.925</i>	<i>114.413.966.944</i>	<i>97,35%</i>
Phải trả người bán ngắn hạn	3.718.348.410	3.651.224.575	101,84%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.279.777.499	722.824.991	177,05%
Thuế và các khoản phải nộp NN	127.385.952	434.102.001	29,34%
Phải trả người lao động		-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	295.423.500	108.906.364	271,26%
Phải trả ngắn hạn khác	73.612.919.564	70.658.282.831	104,18%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	32.353.400.000	38.679.832.644	83,64%
Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	
Quỹ khen thưởng, phúc lợi		158.793.538	-
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>702.800.000</i>	<i>928.700.000</i>	<i>75,68%</i>
Phải trả dài hạn khác	702.800.000	928.700.000	75,68%
Vay và nợ dài hạn			
Dự phòng trợ cấp mất việc làm			
VỐN CHỦ SỞ HỮU	(96.907.166.926)	(96.721.901.657)	(100,19)%
TỔNG NGUỒN VỐN	15.182.887.999	18.620.765.287	81,54%

Các khoản lỗ lũy kế của Công ty trên Báo cáo tài chính đã kiểm toán đến ngày 31/12/2020 vượt vốn chủ sở hữu số tiền là: 96,907 tỷ đồng và nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 107,321 tỷ đồng. Hiện Công ty không có khả năng chi trả các khoản vay nợ, chủ yếu là nợ thuê tài chính ngắn hạn. Đây là khoản vay nợ xấu phát sinh từ các năm trước đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn vốn của Công ty và kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm của đơn vị.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được liên tục là nhờ kết quả sản xuất kinh doanh trong năm và nguồn vốn lưu động ứng trước từ khách hàng.

Công ty quản lý nợ phải thu, phải trả theo từng đối tượng, đúng qui định, các đơn vị

thực hiện đối chiếu số dư nợ cuối năm.

Như đã nhận xét tại phần tình hình tài sản, các khoản nợ xấu đã ảnh hưởng rất lớn đến tình hình nguồn vốn của Công ty như sau: mất khả năng chi trả các khoản nợ vay ngắn hạn, dài hạn và các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác; Vốn chủ sở hữu đến 31/12/2020, âm 96,907 tỷ đồng; Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu (D/E): -1,156 lần làm nảy sinh sự hoài nghi về khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai.

Nợ dài hạn: 702,8 Triệu đồng, chiếm 0,63% trong tổng nợ phải trả.

* **Ảnh hưởng của tỷ giá đến hoạt động của Công ty:** Năm 2020 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ liên quan đến tiền đồng Việt Nam nên kết quả kinh doanh của Công ty không chịu ảnh hưởng của tỷ giá.

* **Ảnh hưởng của lãi suất đến hoạt động của Công ty:** Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 bị ảnh hưởng bởi chi phí trả lãi vay ngân hàng do phải gánh chịu các khoản chi phí lãi phát sinh lớn từ các năm trước để lại mà không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của năm báo cáo là 3,079 tỷ đồng, dẫn đến Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD của Công ty lỗ 0,293 tỷ đồng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

3.1 Về công tác tổ chức cán bộ:

- Về tổ chức: Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, trong năm Công ty chủ động cơ cấu, tổ chức sắp xếp lại văn phòng làm việc, bộ máy nhân sự theo hướng tinh gọn để đảm bảo tính linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ban hành một số Văn bản quy định về nội quy, quy trình sản xuất, các Quyết định, Quy chế quản trị doanh nghiệp của Công ty.

Đến nay, giữa các phòng ban, Xí nghiệp, bộ phận kho cảng Biền Đông của Công ty đã có sự gắn bó, kết nối phối hợp nhịp nhàng trong công việc.

- Về nhân sự: Năm 2020, nhân sự Công ty ổn định.

3.2 Công tác điều hành của Ban giám đốc.

Với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, trong năm Ban giám đốc đã triển khai thực hiện một số công việc chủ yếu sau:

- Chủ động cơ cấu, tổ chức sắp xếp lại văn phòng làm việc, bộ máy nhân sự theo hướng tinh gọn để đảm bảo tính linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đến nay, giữa các phòng ban, Xí nghiệp, bộ phận kho cảng Biền Đông của Công ty đã có sự gắn bó, kết nối phối hợp nhịp nhàng trong công việc.

- Ban hành các quy định về chức năng, nhiệm vụ của các phòng, các bộ phận. Triển khai thực hiện Quy chế lương và phân phối thu nhập, Quy chế tài chính đã được HĐQT ban hành, có hiệu lực từ ngày 01/01/2018. Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ....

- Tập trung tăng cường công tác bảo vệ, an toàn, đảm bảo công tác phòng cháy chữa cháy tại các bộ phận sản xuất, văn phòng trụ sở Công ty...;

- Xây dựng quy định của Công ty đối với các khách hàng thuê kho bãi về vệ sinh môi trường công nghiệp và công tác phòng chống cháy nổ.
- Thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp, sử dụng hiệu quả nguồn vốn, đảm bảo nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh.
- Thực hiện một cách nghiêm túc các quy định về an toàn lao động trong sản xuất, trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, cải thiện tốt hơn điều kiện làm việc của người lao động, không để xảy ra tai nạn lao động đáng tiếc nào xảy ra;

4. Kế hoạch phát triển Công ty trong tương lai.

- Phát triển Công ty trên cả 03 lĩnh vực là: cơ khí đóng tàu, kinh doanh dịch vụ cầu cảng, kinh doanh mặt bằng, kho hàng, bến bãi. Trong đó trọng tâm là cơ khí đóng tàu, mở rộng mặt hàng sản xuất; củng cố sắp xếp bố trí khai thác kinh doanh kho bãi, mặt bằng, cầu cảng hợp lý để tăng doanh thu, việc làm và hiệu quả, đạt kế hoạch đề ra mức cao nhất. Tăng cường hợp tác mọi mặt đưa Công ty phát triển bền vững.
- Chỉ đạo các mặt hoạt động của Công ty đảm bảo hiệu quả kinh tế, quản trị rủi ro và bảo toàn vốn đồng thời chấp hành nghiêm chỉnh chế độ, chính sách của Pháp luật hiện hành.
- Bổ sung và hoàn thiện bộ máy lãnh đạo các đơn vị, phòng ban; ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- Giám sát chặt chẽ và chỉ đạo kịp thời các hoạt động của Ban điều hành.
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện bộ máy tổ chức và tổ chức sản xuất Xưởng đóng tàu trên nguyên tắc tinh gọn và hiệu quả.
- Bố trí hợp lý lực lượng lao động, sử dụng Quỹ tiền lương một cách hợp lý để thu hút lao động có trình độ, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.
- Giữ vững củng cố và phát triển quan hệ với các nhà cung ứng nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ổn định lâu dài.
- Luôn luôn giữ uy tín về chất lượng sản phẩm, mẫu mã, tiến độ sản xuất, giá cả linh hoạt đáp ứng nhu cầu khách hàng. Duy trì tốt mối quan hệ với các đơn vị cùng ngành nghề và tất cả bạn hàng.
- Tạo điều kiện để người lao động, người có cổ phần trong Công ty được làm chủ Công ty thực sự, thúc đẩy hình thành phương thức quản lý tiên tiến tạo thêm động lực thúc đẩy Công ty làm ăn có hiệu quả, tạo việc làm ổn định, đảm bảo thu nhập cho người lao động cũng như hài hòa lợi ích cổ đông và tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.
- Tận dụng và khai thác tiềm năng của Công ty, khai thác sử dụng mặt bằng nhà xưởng, máy móc thiết bị, không ngừng nâng cao hiệu quả lấy hiệu quả kinh tế làm nhiệm vụ trọng tâm.
- Thực hiện quy chế dân chủ, chấp hành nghiêm các chủ trương chính sách của Đảng và Pháp luật của Nhà nước.

5. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

5.1 Dự báo về thị trường.

a) Các chỉ tiêu phân đầu.

- Cơ khí đóng sửa tàu thuyền: Công ty tiếp tục đẩy mạnh khâu tiếp thị và tìm kiếm khách hàng lên đà sửa chữa nhỏ các loại tàu, sà lan và dịch vụ lên xuống triển các tàu, du thuyền FRP phục vụ đăng kiểm theo định kỳ.

- Tiếp tục lập hồ sơ công nhận cơ sở đủ điều kiện sửa chữa, đóng mới tàu biển loại nhỏ.

- Dịch vụ cho thuê mặt bằng, kho, bãi, cầu cảng: Năm 2021, tiếp tục duy trì những khách hàng đã và đang thuê đồng thời Công ty sẽ cố gắng tìm kiếm đối tác hợp tác kinh doanh tốt hơn để bù đắp doanh thu và cố gắng tận dụng mặt bằng hiện có để tăng diện tích mặt bằng nhà kho cho thuê.

b) Xác định mục tiêu kế hoạch.

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính Công ty của năm 2020 và dự báo thị trường trong thời gian sắp tới Công ty sẽ vẫn còn gặp nhiều khó khăn ở trong tất cả các lĩnh vực hoạt động SXKD, đặc biệt trong năm 2021 sẽ thiếu hụt nguồn tiền để trả thuế đất, ngân hàng ... theo cam kết của công ty.

Những tháng đầu năm 2021, dịch cúm virus corona vẫn đang bùng phát nhiều ở các nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Dự đoán trong thời gian tới, tình hình dịch bệnh sẽ còn diễn biến rất phức tạp, ảnh hưởng đến tốc độ phát triển kinh tế trong nước cũng như có nhiều khó khăn trong hoạt động SXKD ở các lĩnh vực của Công ty trong năm nay. Do vậy Công ty đã xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, như sau:

c) Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
I	TỔNG DOANH THU	Tỷ đồng	16,500	
1	Doanh thu sản xuất: đóng mới, sửa chữa tàu, gia công cơ khí, lên triển, ...	Tỷ đồng	4,500	
2	Doanh thu kinh doanh dịch vụ	Tỷ đồng	12,000	
	<i>Gồm: - DT thuê cầu cảng</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>1,476</i>	
	<i>- DT thuê kho, bãi</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>10,524</i>	
II	TỔNG CHI PHÍ	Tỷ đồng	16,400	
1	Giá vốn bán hàng	Tỷ đồng	7,098	
2	Chi phí lương	Tỷ đồng	5,292	
3	Chi phí quản lý	Tỷ đồng	1,010	
4	Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	0,400	
5	Chi phí tài chính (lãi vay)	Tỷ đồng	2,600	
III	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ			
1	Lợi nhuận trước thuế (trường hợp)	Tỷ đồng	Lãi 0,100	

	<i>tính bao gồm chi phí tài chính)</i>			
2	Lợi nhuận trước thuế (<i>trường hợp tính không bao gồm chi phí tài chính)</i>	Tỷ đồng	Lãi 2,700	

d) Các chỉ tiêu khác:

- Đảm bảo an toàn lao động, an ninh trật tự, an toàn xã hội, không để xảy ra cháy nổ, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, cấp phát đầy đủ bảo hộ lao động, ngăn ngừa và phòng chống tệ nạn xã hội, không để xảy ra tiêu cực, tham nhũng, làm thất thoát tài sản, xây dựng nếp sống văn minh lịch thiệp, không có người vi phạm kỷ luật.
- Thực hiện đầy đủ các chính sách BHXH, BHYT, BHTN, hưu trí, ốm đau, thai sản cho người lao động, giữ gìn cảnh quan môi trường luôn sạch đẹp, duy trì và đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong cán bộ CNVC toàn Công ty.
- Tăng cường công tác quản lý tài chính về công nợ, hàng tồn kho, quản trị rủi ro đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận theo kế hoạch.
- Thực hiện và triển khai sản xuất theo chỉ đạo của HĐQT.

5.2 Các giải pháp thực hiện:

- Chú trọng phát triển yếu tố con người trong sản xuất kinh doanh, nghiên cứu xây dựng phương án, giải pháp, sáng kiến nhằm cải tiến trong quá trình sản xuất kinh doanh, nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí. Theo đó phát huy thế mạnh, tạo vị thế nhất định, nâng cao thương hiệu của Công ty trong lĩnh vực đóng, sửa tàu thuyền nói chung, đặc biệt là đóng, sửa tàu thuyền phục vụ cho Ngành thủy sản. Khai thác có hiệu quả nhất các nguồn lực và tài sản hiện có.
- Áp dụng các quy chế chi tiêu nội bộ và tiền lương, thưởng hợp lý để thu hút lao động có trình độ cao, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Giữ vững củng cố và phát triển quan hệ với các nhà cung ứng nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ổn định lâu dài.
- Bám sát và tiếp cận các cơ chế chính sách của Nhà nước về phát triển ngành thủy sản, ngành giao thông (biển, nội địa); đặc biệt là các chính sách trong lĩnh vực đóng, sửa tàu thuyền.
- Giữ uy tín về chất lượng sản phẩm, tiến độ sản xuất đảm bảo, giá cả linh hoạt đáp ứng nhu cầu khách hàng. Duy trì tốt mối quan hệ với các đơn vị cùng ngành nghề và tất cả các khách hàng trong và ngoài khu vực...

IV/ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

Năm 2020 là năm Công ty tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh đặc biệt là lĩnh vực đóng sửa tàu thuyền, kinh doanh cho thuê mặt bằng kho bãi do ảnh hưởng của dịch covid-19. Nhưng bằng sự quyết tâm và nỗ lực phấn đấu, Công ty cũng đã đạt được một số kết quả như đã trình bày ở trên.

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020 của Công ty đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2019 thông qua. Công ty đã sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp, sử dụng hiệu quả nguồn vốn, đảm bảo nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh. Đây là thành quả đáng khích lệ của tập thể Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên của toàn Công ty.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.

2.1 Về tổ chức sản xuất kinh doanh:

Tổng giám đốc đã điều hành tốt các hoạt động SXKD của Công ty trong 2 lĩnh vực là cơ khí đóng, sửa tàu thuyền và kinh doanh kho bãi, dịch vụ cầu cảng. Năm 2020, Công ty tiếp tục duy trì hoạt động ổn định, tình hình sản xuất kinh doanh trên tất cả các lĩnh vực đều vượt các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội cổ đông giao. Công ty đã tích cực, chủ động tìm kiếm khách hàng trong lĩnh vực gia công và sửa chữa tàu. Riêng lĩnh vực kinh doanh cho thuê kho, bãi hiện đang gặp nhiều khó khăn chung trên thị trường, Công ty đã tích cực, chủ động tìm kiếm khách hàng thuê các kho còn trống. Trong lĩnh vực gia công và sửa chữa tàu, mặc dù có nhiều quyết tâm, phấn đấu của bộ phận sản xuất nhưng hợp đồng các công trình gia công và sửa chữa tàu vẫn chưa nhiều. Bù lại các hợp đồng sản xuất trong năm tuy có doanh thu nhỏ nhưng hiệu quả tương đối cao do chi phí sản xuất ít và thu hồi vốn nhanh.

Hoàn thành vượt kế hoạch đối với chỉ tiêu Tổng doanh thu: kế hoạch là 15,000 tỷ đồng, thực hiện là 27,102 tỷ đồng tăng hơn 14% so với kế hoạch. Trong đó doanh thu từ sản xuất kinh doanh là 4,508 tỷ đồng đạt 141 % kế hoạch;

Đối với chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế: năm 2020 là năm khó khăn chung của toàn ngành và của tất cả các công ty trên mọi lĩnh vực. Công ty đã cố gắng khắc phục mọi khó khăn, tiết kiệm mọi chi phí, nỗ lực tìm kiếm khách hàng thuê kho bãi, đóng mới, sửa chữa tàu thuyền. Hoạt động SXKD năm 2020 có hiệu quả, nhiều năm sau khi trừ chi phí tài chính (*chí phí tồn tại từ những năm trước để lại không liên quan đến sản xuất kinh doanh trong năm*) kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty đã có lãi, lợi nhuận trước thuế đạt 43 triệu đồng. Kết quả lợi nhuận trước thuế năm 2020 của Công ty đạt được tuy chưa cao nhưng thực chất là những thành quả cố gắng và nỗ lực đóng góp của tập thể Ban lãnh đạo Công ty và toàn thể CBCNV.

Tuy nhiên, theo quy định của Luật kế toán, Công ty phải trích lập dự phòng các khoản phải thu của khách hàng quá hạn từ 03 năm trước để lại là 227,7 triệu đồng, công ty sẽ cố gắng thu nợ trong năm 2021 để hoàn nhập chi phí đã trích lập dự phòng tài chính.

Vì vậy lợi nhuận trước thuế trên Báo cáo tài chính của Công ty thể hiện lỗ 185 triệu đồng do bổ sung khoản trích lập quỹ dự phòng các khoản phải thu quá hạn nêu trên.

2.2 Về quản lý, sử dụng tài sản, tiền vốn phục vụ kinh doanh:

Về quản lý, sử dụng tài sản, tiền vốn phục vụ kinh doanh: Sử dụng có hiệu quả các tài sản của Công ty vào sản xuất kinh doanh, không để tài sản hư hỏng, thất thoát hoặc không được khai thác sử dụng. Tổ chức thanh lý các tài sản không cần dùng để thu hồi vốn kinh doanh. Chủ động tìm kiếm nguồn vốn lưu động không để sản xuất bị đình trệ vì thiếu vốn.

Thực hiện đúng các cam kết của Công ty với các ngân hàng về thanh toán các khoản nợ xấu.

2.3 Về công tác tổ chức cán bộ: Tổ chức nhân sự của Công ty trong năm vẫn đảm bảo tính ổn định và liên tục. Trong năm Ban điều hành Công ty đã chủ động cơ cấu, tổ chức sắp xếp lại văn phòng làm việc, bộ máy nhân sự theo hướng tinh gọn để đảm bảo tính linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đến nay, giữa các phòng ban, Xí nghiệp, bộ phận kho cảng Biển Đông của Công ty đã có sự gắn bó, kết nối phối hợp nhịp nhàng trong công việc.

Ban hành một số Văn bản quy định về nội quy, quy trình sản xuất, các Quyết định, Quy chế quản trị doanh nghiệp của Công ty.

Tập trung tăng cường công tác bảo vệ, an toàn, đảm bảo công tác phòng cháy chữa cháy tại các bộ phận sản xuất, văn phòng trụ sở Công ty...;

Xây dựng quy định của Công ty đối với các khách hàng thuê kho bãi về vệ sinh môi trường công nghiệp và công tác phòng chống cháy nổ.

Thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp, sử dụng hiệu quả nguồn vốn, đảm bảo nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh.

Thực hiện một cách nghiêm túc các quy định về an toàn lao động trong sản xuất, trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, cải thiện tốt hơn điều kiện làm việc của người lao động, không để xảy ra tai nạn lao động đáng tiếc nào xảy ra;

Tổng quỹ lương NLD thực hiện năm 2020 là: **4,909 tỷ đồng**, bằng 93% KH và bằng 91,35% so với thực hiện năm 2019 (**5,374 tỷ đồng**). Thu nhập bình quân người lao động đạt: 8.000.000 đồng/người/tháng.

2.4 Về thực hiện Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông và HĐQT, Tổng giám đốc đã tổ chức thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT theo đúng nghĩa vụ và quyền hạn. Thực hiện tốt chế độ báo cáo theo định kỳ.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

- Tăng cường công tác quản lý và giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty. Phối hợp cùng với Ban điều hành Công ty tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc nhằm phục vụ cho hoạt động của công ty mang lại hiệu quả kinh doanh cao nhất, xử lý các tồn đọng về tài chính, phấn đấu đạt kế hoạch năm 2020.
- Nghiên cứu xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ Công ty để phòng ngừa các rủi ro cho doanh nghiệp, đặc biệt là các rủi ro trong kinh doanh đóng tàu cho ngư dân.
- Phối hợp cùng với Ban Tổng giám đốc nghiên cứu và đề xuất Ngân hàng phương án trả nợ, cụ thể giảm lãi suất vay để giảm chi phí trả nợ vay ngân hàng.
- Tiếp tục rà soát và xây dựng các phương hướng sử dụng một cách có hiệu quả các tài sản của Công ty, xử lý hiệu quả các tài sản mà Công ty không có nhu cầu sử dụng.
- Phát huy và làm tốt hơn công tác thị trường đóng sửa tàu, tận dụng các cơ hội đóng sửa chữa tàu các khách hàng truyền thống và những khách hàng mới.
- Theo dõi, chỉ đạo việc thu hồi công nợ kiên quyết hơn đối với các khách hàng có khả năng thu hồi.

V/ QUẢN TRỊ CÔNG TY.

1. Hội đồng quản trị (sau đây viết tắt là HĐQT).

1.1 Cơ cấu Hội đồng quản trị.

Cơ cấu HĐQT Công ty năm 2020 không có gì thay đổi, cụ thể như sau:

Họ và tên	Chức vụ
1. Ông Trần Hữu Hạnh	Thành viên HĐQT không điều hành – Đại diện phần vốn TCT Thủy sản Việt Nam – CTCP kể từ ngày 19/4/2019. Giữ chức vụ: Chủ tịch HĐQT Công ty
2. Ông Đỗ Trung Chuyên	Thành viên HĐQT không điều hành – Đại diện phần vốn TCT Thủy sản Việt Nam – CTCP
3. Ông Trương Tùng Hưng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Tỷ lệ cổ phiếu có quyền biểu quyết nắm giữ: 0,39%
4. Ông Nguyễn Tấn Dũng	Thành viên HĐQT không điều hành Tỷ lệ cổ phiếu có quyền biểu quyết nắm giữ : 1,24%
5. Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên HĐQT không điều hành – Đại diện phần vốn TCT Thủy sản Việt Nam – CTCP kể từ ngày 19/4/2019.

1.2 Hoạt động của Hội đồng Quản trị.

Năm 2020, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp theo đúng qui định của Điều lệ Công ty và ban hành các Nghị quyết của HĐQT nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông và giải quyết một số vướng mắc trong quá trình hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:

*** Các cuộc họp và biên bản họp của HĐQT trong năm 2020:**

- Cuộc họp 1: Biên bản số 08/BB-HĐQT-CNTS, ngày 18/02/2020 về việc lấy ý kiến bằng văn bản thống nhất thông qua Hệ thống thang bảng lương NLĐ, mức lương người quản lý Công ty từ ngày 01/01/2020;
- Cuộc họp 2: Biên bản họp số 24/BB-HĐQT-CNTS, ngày 19/03/2020 về việc lấy ý kiến bằng văn bản thống nhất ngày chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ năm 2020;
- Cuộc họp 3: Biên bản họp số 32/BB-HĐQT-CNTS ngày 27/3/2020 về việc báo cáo kết quả SXKD, báo cáo tài chính năm 2019 và kế hoạch năm 2020; gia hạn thời gian, nội dung chương trình chuẩn bị tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;
- Cuộc họp 4: Biên bản số 63/BB-HĐQT-CNTS, ngày 22/5/2020 về việc thông qua BCTC Q.1/2020, Kế hoạch SXKD 2020 và chương trình dự kiến tổ chức ĐHCĐ 2020;
- Cuộc họp 5: Biên bản số 73/BB-HĐQT-CNTS, ngày 12/6/2020 về việc thông qua chương trình ĐHCĐ bằng phiếu lấy ý kiến.

- Cuộc họp 6: Biên bản số 96/BB-HĐQT-CNTS, ngày 11/8/2020 về việc Báo cáo kết quả SXKD, báo cáo tài chính 6 tháng năm 2019 và 1 số nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT;

- Cuộc họp 7: Biên bản số 111/BB-HĐQT-CNTS, ngày 09/11/2020 về việc báo cáo kết quả hoạt động SXKD 9 tháng 2019, báo cáo tài chính 9T/2019 và triển khai một số công việc cuối năm;

*** Các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT năm 2020.**

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	09/NQ-HĐQT-CNTS	18/2/2020	Phê duyệt hệ thống thang bảng lương và mức lương người quản lý từ ngày 01/01/2020	100%
2	10/QĐ-HĐQT-CNTS	18/2/2020	Ban hành hệ thống thang lương, bảng lương và phụ cấp của Cty CP CNTS từ 01/01/2020	100%
3	11/QĐ-HĐQT-CNTS	18/2/2020	Phê duyệt mức lương người quản lý từ ngày 01/01/2020	100%
4	25/NQ-HĐQT-CNTS	19/3/2020	Thông qua chốt danh sách cổ đông ĐHCĐTN 2020	100%
6	33/NQ-HĐQT-CNTS	30/3/2020	Thông qua Báo cáo KQSXKD 2020; miễn nhiệm, bổ nhiệm KTT; thù lao HĐQT, BKS, ...	100%
7	34/NQ-HĐQT-CNTS	31/3/2020	Hoãn tổ chức ĐHCĐTN 2020	100%
8	35/NQ-HĐQT-CNTS	31/3/2020	Miễn nhiệm và bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty	100%
9	36/NQ-HĐQT-CNTS	31/3/2020	Miễn nhiệm Kế toán trưởng	100%
10	37/NQ-HĐQT-CNTS	31/3/2020	Bổ nhiệm Kế toán trưởng	100%
11	38/QĐ-HĐQT-CNTS	31/3/2020	Điều chỉnh phụ cấp thư ký HĐQT	100%
12	64/NQ-HĐQT-CNTS	22/5/2020	Thông qua BC KQSXKD 2020; BCTC QI 2020; Nội dung tổ chức ĐHCĐTN 2020...	100%
13	74/NQ-HĐQT-CNTS	12/6/2020	Thông qua Chương trình và nội dung tài liệu ĐHCĐTN 2020, ...	100%
14	97/NQ-HĐQT-CNTS	11/8/2020	Thông qua BC KQSXKD 6 tháng 2020; BCTC 6 tháng 2020; ...	100%

15	112/NQ-HĐQT-CNTS	09/11/2020	Thông qua BC KQSXKD 9 tháng 2020, KHSXKD quý IV 2020; BCTC 9 tháng 2020; ...	100%
----	------------------	------------	--	------

*** Số lần tham dự họp của các thành viên HĐQT.**

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ (%)	Lý do không tham gia
1. Ông Trần Hữu Hạnh	Chủ Tịch HĐQT	7/7	100	
2. Ông Trương Tùng Hưng	TV HĐQT kiêm TGĐ	7/7	100	
3. Ông Đỗ Trung Chuyên	TV HĐQT	7/7	100	
4. Ông Nguyễn Tấn Dũng	TV HĐQT	7/7	100	
5. Ông Nguyễn Thành Trung	TV HĐQT	7/7	100	

1.3 Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành.

Các thành viên HĐQT không điều hành đã phối hợp với các Thành viên điều hành thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật và Điều lệ hoạt động SEAMECO, nhằm đưa ra những định hướng, chỉ đạo kịp thời các công tác và mọi mặt hoạt động của SEAMECO.

1.4 Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị.

Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

2. Ban kiểm soát.

2.1 Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát.

Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phiếu có quyền biểu quyết nắm giữ
1. Ông Võ Quốc Việt	Giữ chức vụ Trưởng BKS Công ty từ ngày 19/4/2019 đến nay	Đại diện TCT Thủy sản Việt Nam - CTCP
2. Bà Huỳnh Văn Đặng Thị Lệ Hoa	Thành viên BKS từ ngày 19/4/2019 đến nay	1,89%
4. Bà Vũ Thị Hồng Gấm	Thành viên BKS	Đại diện TCT Thủy sản Việt Nam - CTCP

2.2 Các hoạt động chính của Ban kiểm soát trong năm 2020.

- Thực hiện xem xét giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty và thực hiện các nội dung theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020, các Nghị quyết của HĐQT;
- Kiểm tra giám sát các hoạt động của Công ty tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng của Ban giám đốc trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, Ban giám đốc để đảm bảo tuân thủ theo pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp cao nhất của Công ty và cổ đông;
- Kiểm tra các hoạt động chính của Công ty như: Các công trình đóng & sửa chữa tàu, hoạt động khai thác dịch vụ cầu cảng & cho thuê kho bãi, chi phí lương, sự phù hợp giữa doanh thu và chi phí
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị;
- Trong năm 2020, BKS đã có 4 kỳ làm việc trực tiếp để kiểm tra giám sát toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là Quý 1/2020, 6 tháng, 9 tháng và cả năm 2020;

Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác trong công tác kiểm tra giám sát; nhưng vẫn duy trì được sự độc lập của mình trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích.

3.1.1 Tiền thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT trong năm.

T T	Họ tên	Chức vụ	Thù lao đồng/tháng	Cả năm (đồng)
1	Ô. Trần Hữu Hạnh	Chủ tịch HĐQT	5.000.000	60.000.000
2	Ô. Nguyễn Tấn Dũng	Thành viên HĐQT	3.000.000	36.000.000
3	Ô. Nguyễn Thành Trung	Thành viên HĐQT	3.000.000	36.000.000
4	Ô. Trương Tùng Hưng	Thành viên HĐQT	3.000.000	36.000.000
5	Ô. Đỗ Trung Chuyên	Thành viên HĐQT	3.000.000	36.000.000
	Tổng cộng			204.000.000

Bằng chữ: Hai trăm lẻ bốn triệu đồng chẵn.

3.1.2 Thù lao của Ban kiểm soát trong năm.

TT	Họ tên	Chức vụ	Thù lao đồng/tháng	Cả năm (đồng)
1	Võ Quốc Việt	Trưởng BKS	3.000.000	36.000.000

2	Vũ Thị Hồng Gấm	Thành viên BKS	2.000.000	24.000.000
3	Huỳnh Văn Đăng Thị Lê Hoa	Thành viên BKS	2.000.000	24.000.000
	Tổng cộng			84.000.000

Trong năm không phát sinh thêm chi phí nào khác phục vụ cho hoạt động của Ban Kiểm Soát.

3.1.3 Lương, thưởng của Ban điều hành (Tổng giám đốc và kế toán trưởng).

T T	Họ tên	Chức vụ	Lương/đồng năm	Thù lao/ năm	Tổng cộng (đồng)
1	Trương Tùng Hưng	Tổng Giám đốc	299.203.246		299.203.246
2	Hoàng Thị Tú	Kế toán trưởng đến ngày 01/4/2020	45.978.182		45.978.182
3	Vũ Văn Công	Kế toán trưởng từ 01/4/2020	209.725.091		209.725.091
	Tổng cộng		554.906.519		554.906.519

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.

Công ty luôn tuân thủ các quy định về quản trị công ty dựa trên cơ sở của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Thông tư 155/2015/TT-BTC về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

1. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

1. Như trình bày tại Thuyết minh 4.9, quyền sử dụng đất tại Trà Vinh trị giá 865.000.000 VND, Công ty đang ghi nhận là Tài sản cố định vô hình nhưng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại mang tên cá nhân là chưa phù hợp với quy định hiện hành.

2. Như trình bày tại Thuyết minh 4.10, tổng giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 31/12/2018 là 12.801.833.320 VND, Công ty đã trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư này là 7.912.582.707 VND. Tuy nhiên, cho đến thời điểm này kiểm toán viên chưa nhận được báo cáo tài chính năm 2020 của các đơn vị nhận đầu tư và các đơn vị này cũng chưa giao dịch trên các sàn giao dịch chứng khoán. Do đó, kiểm toán

viên không có cơ sở xem xét số dự phòng các khoản đầu tư dài hạn nêu trên cần hoàn nhập hay trích lập bổ sung.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh 2.5 trong Báo cáo tài chính về khoản lỗ tích lũy đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 vượt vốn chủ sở hữu số tiền là 96.907.166.926 VND và nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 107.321.666.708 VND. Đồng thời theo Thuyết minh 4.15 Công ty có các khoản nợ gốc và lãi vay quá hạn lần lượt là 32.353.400.000 VNĐ và 58.955.840.114 VNĐ nhưng chưa thực hiện gia hạn với ngân hàng. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

2. Báo cáo tài chính kiểm toán:

Đính kèm báo cáo tài chính được Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định & Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam lập ngày 20/3/2021 và được đăng tải trên website Công ty: www.seameco.com.vn.

3. Giải trình của Công ty về các ý kiến ngoại trừ của Công ty kiểm toán.

Căn cứ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định & Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam lập ngày 20/3/2021.

Trong Báo cáo kiểm toán số số 76/BCKTEAV ngày 20/3/2021 về Báo cáo tài chính năm 2021 có đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ một số nội dung sau:

1. Như trình bày tại mục (*) Thuyết minh 4.9, Quyền sử dụng đất tại Trà Vinh trị giá 865.000.000 VND, Công ty đang ghi nhận là Tài sản cố định vô hình nhưng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại mang tên cá nhân theo Nghị quyết số 30/NQ-CNTS-HĐQT ngày 15/2/2012 của Hội đồng quản trị.

Giải trình của Công ty:

Nguồn gốc giá trị quyền sử dụng đất nêu là do Công ty thu hồi nợ của Công ty Cổ phần Aquafeed Cửu Long (bao gồm 08 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Tại thời điểm đó, các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đều mang tên cá nhân và việc chuyển sở hữu sang tên Công ty gặp nhiều khó khăn. Do đó, Công ty đã ủy quyền cho Ông Trần Văn Khuynh đứng tên theo Nghị quyết số 30/NQ-CNTS-HĐQT ngày

15/2/2012 của Hội đồng quản trị. Các thừa này sẽ chuyển quyền sở hữu sang cho Công ty.

2. Như trình bày tại Thuyết minh 4.10, tổng giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 31/12/2019 là 12.801.833.320 VND, Công ty đã trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư này là 7.912.582.707 VND. Tuy nhiên, cho đến thời điểm này kiểm toán viên chưa nhận được báo cáo tài chính năm 2020 của các đơn vị nhận đầu tư và các đơn vị này cũng chưa giao dịch trên các sàn giao dịch chứng khoán. Do đó, kiểm toán viên không có cơ sở xem xét số dự phòng các khoản đầu tư dài hạn nêu trên cần hoàn nhập hay trích lập bổ sung

Giải trình của Công ty:

Các khoản đầu tư vào các đơn vị khác hầu như không có hiệu quả, Công ty đã trích lập dự phòng hơn 60% khoản đầu tư trên. Tuy nhiên, cho đến thời điểm này Công ty chưa nhận được báo cáo tài chính năm 2020 của các đơn vị nhận đầu tư và các đơn vị này cũng chưa giao dịch trên các sàn giao dịch chứng khoán. Mặt khác một số đơn vị đã ngưng hoạt động hoặc đã bỏ trốn tại địa phương đăng ký kinh doanh. Do đó, Công ty không có cơ sở xem xét số dự phòng các khoản đầu tư dài hạn nêu trên cần hoàn nhập hay trích lập bổ sung.

3. Ý kiến của kiểm toán về vấn đề cần nhấn mạnh: “Tại thuyết minh số 2.5 trong báo cáo tài chính về khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2020 vượt vốn chủ sở hữu số tiền là: 96,907 tỷ đồng và nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 107,321 tỷ đồng”.

Giải trình của Công ty:

Đây là những khoản nợ vay tài chính tồn tại từ nhiều năm trước làm Công ty mất khả năng thanh toán và làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm.

Hiện hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được hoạt động liên tục là nhờ kết quả sản xuất kinh doanh trong năm và nhờ vào nguồn vốn lưu động ứng trước từ khách hàng.

Công văn giải trình của Công ty về các ý kiến ngoại trừ của kiểm toán trên báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty đã được đăng tải trên website Công ty: www.seameco.com.vn.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 4 năm 2021
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC *nu*



Trương Tùng Hưng